# CTCP Bất động sản Thế Kỷ

FireAnt

| Ngày 31/03/2024 | 8,980 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **2.0%** | **6.9%** | **5.0%** |

| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 6,850 - 10,900 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 4,164 |
| Số lượng CPLH (CP) | 463,678,426 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 746,210 |
| Sở hữu nước ngoài | 1.9% |
| Beta | 1.38 |
| EPS | 40 |
| P/E | 225.9 |

**DT thuần**
*Q1/24*
**494**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 163| 49.1%
YoY: ▲ 441| 826%

**LN trước thuế**
*Q1/24*
**10.6**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 8.81| 493%
YoY: ▲ 19.4| 220%

**LN sau thuế**
*Q1/24*
**8.00**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 6.78| 555%
YoY: ▲ 16.8| 191%

**ROA**
2023
**0.0%**
+/- YoY: ▼ 2.7%

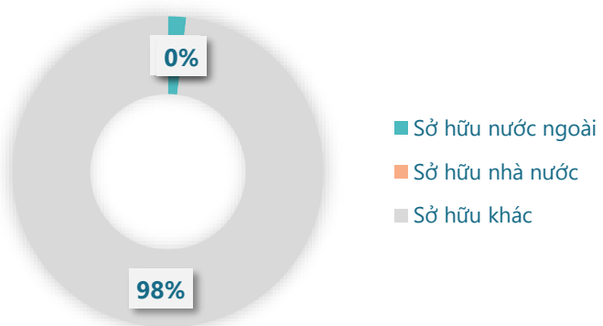
**DT thuần**
*2023*
**934**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼2,542| -73.1%

**LN trước thuế**
*2023*
**4.91**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼241| -98.0%

**LN sau thuế**
*2023*
**2.06**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼192| -98.9%

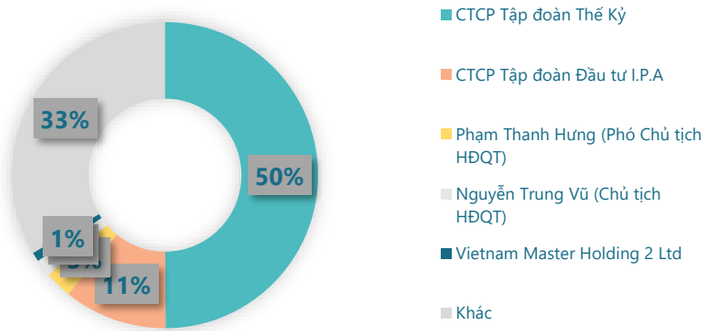
**ROE**
2023
**0.0%**
+/- YoY: ▼ 4.2%

## Cơ cấu sở hữu




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

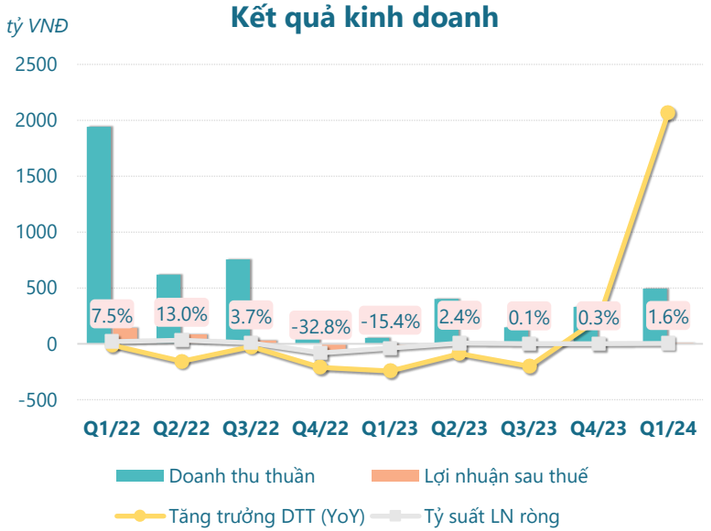
## Tỷ suất lợi nhuận



# CTCP Bất động sản Thế Kỷ

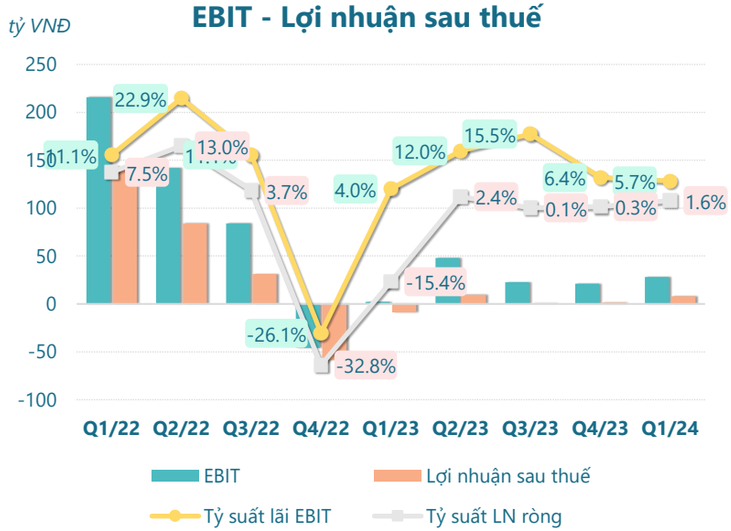
FireAnt

## Kết quả kinh doanh



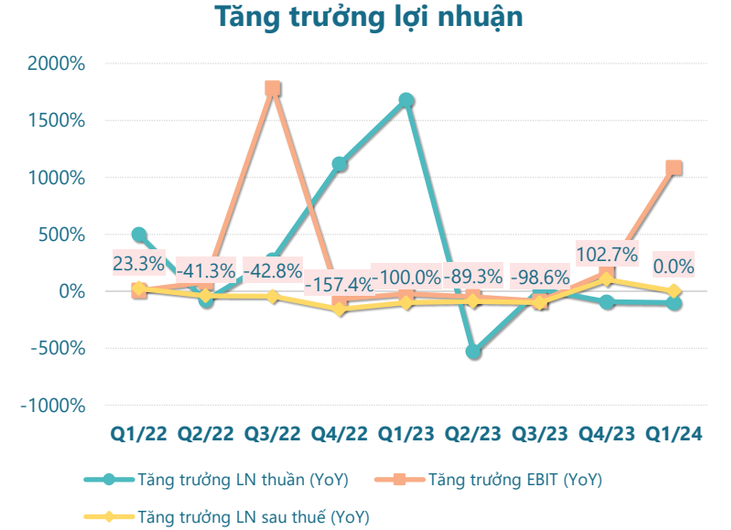

(Nguồn: fireant.vn)

## EBIT - Lợi nhuận sau thuế



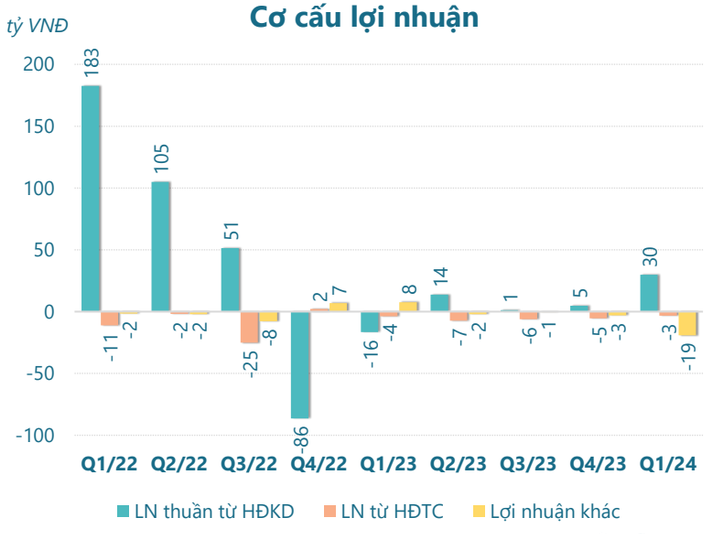

(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng lợi nhuận



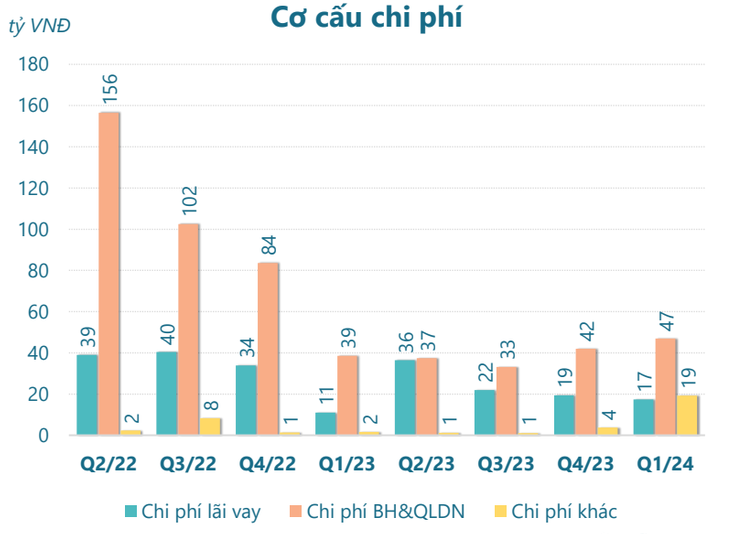

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu lợi nhuận



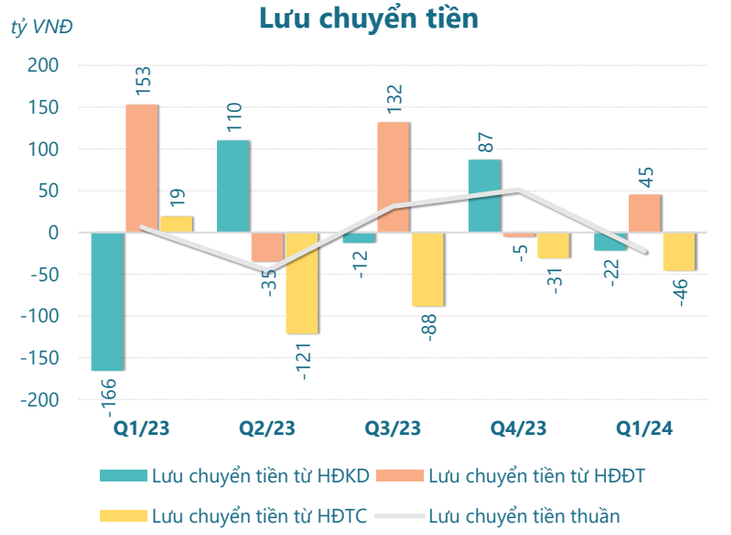

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu chi phí




(Nguồn: fireant.vn)

## Lưu chuyển tiền

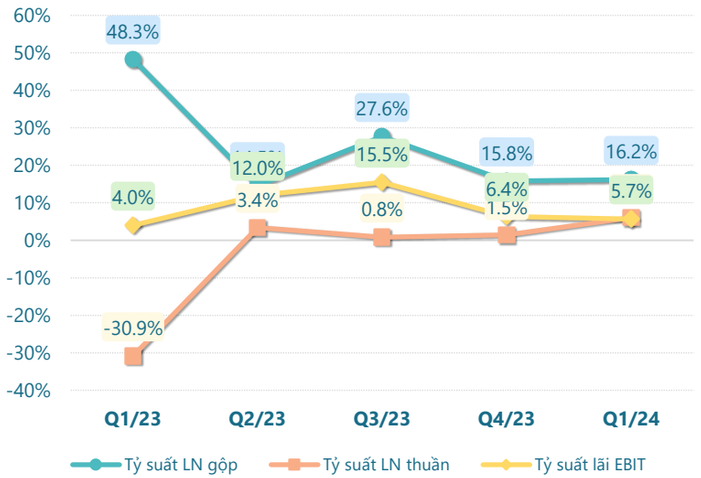



(Nguồn: fireant.vn)

# CTCP Bất động sản Thế Kỷ

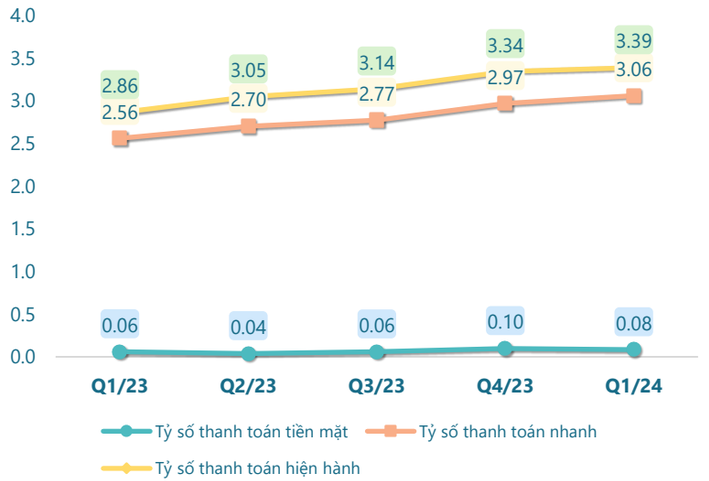
FireAnt

## Tỷ suất lợi nhuận



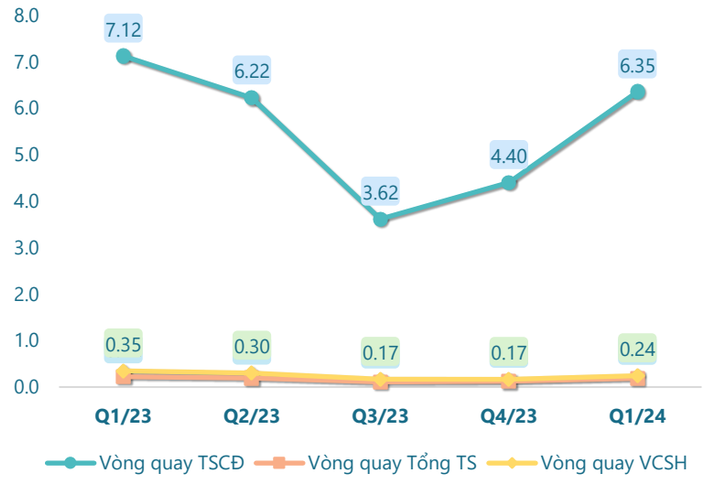

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



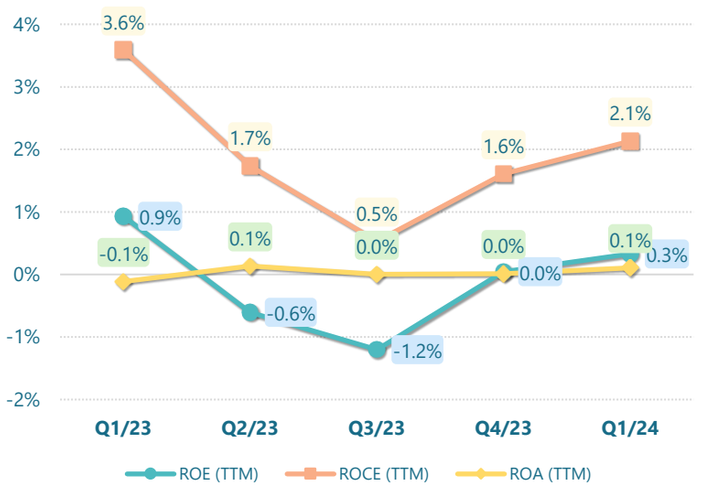

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



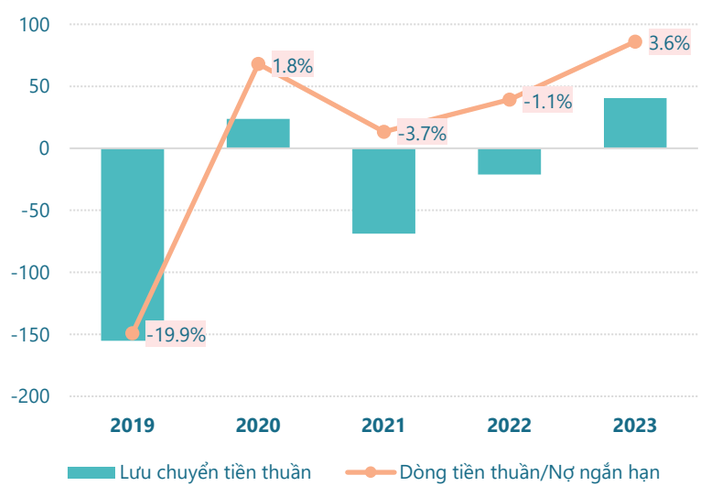

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



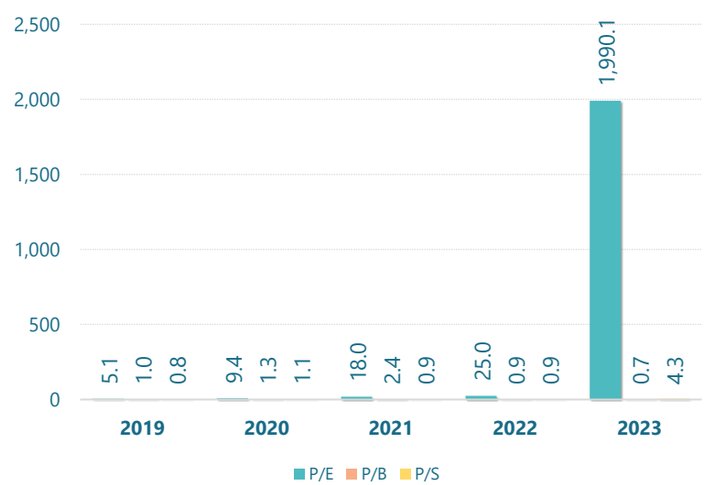

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nhóm chỉ số định giá




*(Nguồn: fireant.vn)*